

YẾU TỐ THUẬT NGỮ TRONG THUẬT NGỮ TIẾNG VIỆT

PHẠM HÙNG VIỆT¹

Abstract: Based on the concept of term element suggested by Russian linguists and the isolated type of Vietnamese, the present article discusses the concept of term element in Vietnamese; the determination of the number of term elements when translating a term from one language to another, and the position of grammatical words in defining the term elements.

Keywords: *term, term element, grammatical words.*

1. Mở đầu

Trong bất kì một ngôn ngữ phát triển nào cũng đều có một lớp từ vựng được sử dụng trong một lĩnh vực chuyên môn nhất định, được gọi là thuật ngữ. Có khá nhiều quan niệm khác nhau về thuật ngữ, trong bài viết này, chúng tôi chấp nhận quan niệm của GS. Nguyễn Thiện Giáp về thuật ngữ như sau: “Thuật ngữ là bộ phận từ ngữ đặc biệt của ngôn ngữ. Nó bao gồm những từ và cụm từ cố định là tên gọi chính xác của các khái niệm và các đối tượng thuộc các lĩnh vực chuyên môn của con người” [1, tr.270].

2. Yếu tố thuật ngữ - đơn vị cấu tạo thuật ngữ

Trong ngôn ngữ học, khi phân tích cấu trúc của các đơn vị ngôn ngữ như hình vị, từ, ngữ, người ta đã quen thuộc với việc dùng các khái niệm như *yếu tố* hoặc *thành tố* cấu tạo (để tạo nên hình vị, từ, ngữ). Khi áp dụng phương pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học vào nghiên cứu thuật ngữ, người ta cũng có xu hướng áp dụng các khái niệm này vào nghiên cứu thuật ngữ.

Với sự xuất hiện của khái niệm *yếu tố thuật ngữ*, tình hình có khác. *Yếu tố thuật ngữ* là khái niệm được ra đời gắn với phương pháp riêng của thuật ngữ học, dùng để chỉ thành tố cấu tạo trực tiếp cuối cùng của một thuật ngữ, phân biệt với việc sử dụng các thuật ngữ của phương pháp ngôn ngữ học để nghiên cứu thuật ngữ và hệ thống thuật ngữ. Như V.M. Lâychik cho thấy: “Hiện nay đang hình thành lí thuyết mới của thuật ngữ học Nga (...). Có thể nhắc thêm rằng, lí thuyết thuật ngữ mới đã tạo ra công cụ khái niệm của mình và tạo ra hệ thuật ngữ bao gồm các đơn vị như *thuật ngữ*, *biến thể thuật ngữ*, *tiền thuật ngữ*, *yếu tố thuật ngữ*, *lô gic thuật ngữ*, *hệ thuật ngữ*, *thuật ngữ hóa*, *phi thuật ngữ hóa* và nhiều đơn vị khác [11, tr. 167].

Các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước về thuật ngữ học cho thấy có hai quan niệm khác nhau về *yếu tố thuật ngữ*.

Quan niệm thứ nhất cho rằng: yếu tố cấu tạo thuật ngữ tiếng Việt là *tiếng* (Hoàng Văn Hành [4], Nguyễn Thiện Giáp [1], Vũ Quang Hào [5], Nguyễn Thị Bích Hà [2], Nguyễn Thị Kim Thanh [8], ...). Theo quan niệm này, thuật ngữ *kĩ sư xây dựng* sẽ được phân tích thành 4 yếu tố thuật ngữ: *kĩ / sư / xây / dựng*; thuật ngữ *thuế thu nhập cá nhân* sẽ được phân tích thành 5 yếu tố thuật ngữ: *thuế / thu / nhập / cá / nhân*. Lấy *tiếng* làm đơn vị phân tích cấu tạo thuật ngữ như vậy, ta chỉ có thể thống kê được số lượng các tiếng (âm tiết) có mặt trong cấu trúc của thuật ngữ chứ không thể nhận biết được đặc điểm nội dung cũng như vai trò của từng yếu tố thuật ngữ cấu tạo nên thuật ngữ đó.

Quan niệm thứ hai cho rằng: Mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với khái niệm hay thuộc tính của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn nào đó. Đây là quan niệm của các nhà thuật ngữ học Xô Viết, đã được một số tác giả Việt Nam áp dụng vào để nghiên cứu cấu tạo hệ thống thuật ngữ của một số ngành khoa học khác nhau (với các tên gọi: *ngữ tố* [7], *thuật tố* [9], *thành tố* [3]). Khái niệm *yếu tố thuật ngữ* (терминоэлемент), như V.M. Lâychik cho thấy, được D.S. Lotte, V.P. Danilenko và T.L. Kandelaki nêu ra. Theo đó, yếu tố thuật ngữ được hiểu “là hình vị trong thuật ngữ được tạo thành từ từ đơn, là từ hoàn chỉnh trong thuật ngữ không phải

¹ Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam.

do từ đơn tạo thành; thuật ngữ được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố thuật ngữ, mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với khái niệm hay thuộc tính của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn được xác định.” [11, tr.179].

Trong định nghĩa nêu trên, có thể thấy đặc điểm rất quan trọng của yếu tố thuật ngữ là phải tương ứng với *khái niệm* hoặc *thuộc tính của khái niệm* trong lĩnh vực chuyên môn được xác định. Có thể thấy định nghĩa này là phù hợp với việc nghiên cứu cấu trúc hình thức của thuật ngữ trong các ngôn ngữ thuộc loại hình hòa kết như tiếng Nga, tiếng Anh, tuy nhiên, khi áp dụng vào tiếng Việt, một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập thì tình hình có khác.

Dựa vào định nghĩa trên, căn cứ vào đặc điểm loại hình đơn lập của tiếng Việt, khi áp dụng vào nghiên cứu thuật ngữ tiếng Việt, chúng tôi quan niệm *yếu tố thuật ngữ* trong thuật ngữ tiếng Việt là *hình vị đối với thuật ngữ được tạo thành từ từ đơn; là từ hoặc tổ hợp từ đối với thuật ngữ không phải do từ đơn tạo thành; mỗi yếu tố thuật ngữ phản ánh một khái niệm hoặc một thuộc tính của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn được xác định*.

Như vậy, trong tiếng Việt, khi thuật ngữ là từ đơn thì thuật ngữ đó chỉ có một yếu tố thuật ngữ và yếu tố đó phản ánh khái niệm, còn khi thuật ngữ không phải là từ đơn thì thuật ngữ đó có từ một yếu tố thuật ngữ trở lên, trong đó yếu tố phản ánh khái niệm bao giờ cũng phải có mặt, yếu tố (hoặc các yếu tố) còn lại phản ánh thuộc tính của khái niệm. Dưới góc độ định danh, thuật ngữ ở các bậc định danh càng chi tiết thì càng có nhiều yếu tố thuật ngữ. Điều lưu ý là do thuộc loại hình đơn lập, từ tiếng Việt không biến đổi về hình thái nên đối với thuật ngữ là từ đơn, hình vị, về hình thức cũng trùng với từ đơn đó.

Ví dụ, thuật ngữ *thuế* có 1 yếu tố thuật ngữ *thuế*; thuật ngữ *thuế thu nhập* gồm hai yếu tố thuật ngữ: *thuế / thu nhập*; thuật ngữ *thuế thu nhập cá nhân* gồm 3 yếu tố thuật ngữ: *thuế / thu nhập / cá nhân*. Thuật ngữ *tên lửa* có 1 yếu tố thuật ngữ; thuật ngữ *tên lửa xách tay* gồm hai yếu tố thuật ngữ: *tên lửa / xách tay*; thuật ngữ *tên lửa xách tay đất đối không* gồm 3 yếu tố thuật ngữ: *tên lửa / xách tay / đất đối không*, ...

Về tên gọi, để đảm bảo tính chặt chẽ, dễ hiểu và ngắn gọn (đến mức có thể), tránh trùng lặp với cách gọi các đơn vị hoặc thành phần khác của ngôn ngữ, chúng tôi dùng tên gọi *thuật ngữ tố* (TNT) để gọi *yếu tố thuật ngữ*.

3. Yếu tố thuật ngữ với việc dịch thuật ngữ từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác

Mỗi thuật ngữ trong một ngành nghề phản ánh khái niệm (và thuộc tính của khái niệm) thuộc ngành nghề đó. Do vậy, về nguyên tắc, khi một thuật ngữ từ tiếng nước này dịch sang tiếng nước khác thì khái niệm (và thuộc tính của khái niệm) là không thay đổi, dù về hình thức ngôn ngữ, có thể dài ngắn khác nhau. Từ đó có thể thấy, một thuật ngữ tiếng nước ngoài thuộc một ngành nào đó, khi dịch sang tiếng Việt, thì về nguyên tắc, số lượng TNT của thuật ngữ này trong tiếng Việt cũng phải ngang bằng với số lượng TNT của thuật ngữ đó trong ngôn ngữ gốc. Chẳng hạn:

- Thuật ngữ tiếng Anh *ball cutter* được tạo thành từ hai TNT: *ball / cutter*, dịch sang tiếng Việt *dao cắt hình cầu* cũng gồm hai yếu tố thuật ngữ: *dao cắt / hình cầu*.

- Thuật ngữ tiếng Anh *oil originally in place* được tạo thành từ ba TNT là *oil / originally / in place*, dịch sang tiếng Việt *dầu nguyên thủy tại chỗ*, cũng gồm ba TNT: *dầu / nguyên thủy / tại chỗ*.

- Thuật ngữ tiếng Anh: *casting steel products* được tạo thành từ ba TNT là *casting steel products*, dịch sang tiếng Việt *sản phẩm đúc bằng thép*, cũng gồm ba TNT: *sản phẩm / đúc / bằng thép*.

- Thuật ngữ tiếng Nga *горизонт нефтеназо пласта* được tạo thành từ ba TNT là *горизонт / нефтеназо / пласта* dịch sang tiếng Việt *tầng của bể chứa dầu* cũng gồm ba TNT: *tầng/ của bể chứa / dầu*.

Trong thực tế nghiên cứu về thuật ngữ thời gian vừa qua, nhiều nghiên cứu sinh ngành ngôn ngữ học chọn đề tài luận án về thuật ngữ, trong đó khá nhiều luận án làm về đối chiếu thuật ngữ của một ngành trong tiếng Anh với tiếng Việt. Một điểm chung của các luận án này về kết quả đối chiếu TNT trong tiếng Anh với tiếng Việt cho thấy, các thuật ngữ tiếng Việt có cấu tạo gồm nhiều TNT hơn so với thuật ngữ tiếng Anh (mặc dù đều cùng xuất phát từ thuật ngữ của một ngành và thuật ngữ tiếng Việt được dịch từ các thuật ngữ

tiếng Anh). Từ kết quả như vậy, các luận án đi đến kết luận là thuật ngữ tiếng Việt thường dài dòng, thiên về mô tả hơn so với thuật ngữ tiếng Anh. Đây chính là vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng hơn.

4. Vị trí của hư từ trong việc xác định yếu tố thuật ngữ

Khi phân tích cấu trúc thuật ngữ để xác định TNT, các hư từ (*bằng, của, ở, vì, bởi, và, ...*) thường gây ra sự khó khăn cho người thực hiện. Hư từ, về bản chất, không mang nghĩa từ vựng, do vậy tự bản thân hư từ không thể phản ánh khái niệm hoặc thuộc tính, đặc điểm của thuật ngữ được, tức là hư từ không thể là TNT. Tuy nhiên, hư từ, khi đã xuất hiện trong thuật ngữ, cũng sẽ có vai trò nhất định (trừ những trường hợp được xác định là dư thừa, cần lược bỏ). Hư từ sẽ cùng với từ, cụm từ mà nó đi cùng tạo thành TNT. Do vậy, trong xác định TNT, không thể không tính tới hư từ. Cần tránh hai xu hướng: hoặc coi mỗi hư từ như một TNT, hoặc không tính đến hư từ trong TNT.

Chẳng hạn thuật ngữ *dao động của kết cấu* (oscillation of structure) sẽ được phân tích gồm hai TNT: *dao động/ của kết cấu*; thuật ngữ *lượng bằng hiện vật* sẽ được phân tích gồm hai TNT: *lượng / bằng hiện vật*; thuật ngữ *kỹ sư làm việc ở tàu khoan* sẽ được phân tích gồm ba TNT: *kỹ sư / làm việc ở / tàu khoan*; thuật ngữ *hội đồng về chất lượng môi trường* sẽ được phân tích gồm ba TNT: *hội đồng / về chất lượng / môi trường*; ...

5. Kết luận

Theo quan niệm của thuật ngữ học, *yếu tố thuật ngữ* là thành tố cấu tạo trực tiếp cuối cùng của một thuật ngữ. Việc xác định yếu tố thuật ngữ (thuật ngữ tố) trong thuật ngữ tiếng Việt giúp cho người nghiên cứu có thể nắm được nghĩa của từng thành phần thuật ngữ nói riêng, nghĩa của cả thuật ngữ nói chung, đồng thời giúp cho công tác xây dựng thuật ngữ tiếng Việt trong việc xác định thành phần cần thiết của một thuật ngữ, đảm bảo tính ngắn gọn, chính xác cho thuật ngữ được tạo thành.

NGŨ LIỆU

1. Trần Ngọc Đức, *Đối chiếu thuật ngữ cơ khí trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2018.
2. Nguyễn Thị Thu Hà, *Đối chiếu thuật ngữ dầu khí Anh - Việt*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2019.
3. Lưu Văn Nam, *Thuật ngữ vũ khí: nghiên cứu đối chiếu cấu tạo định danh và tương đương dịch thuật Anh - Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, 2021.
4. Vũ Thị Yến Nga, *Đối chiếu thuật ngữ hành chính Việt-Anh*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2017.
5. Tổng hội Địa chất Việt Nam, *Từ điển dầu khí Anh - Nga - Việt*, Nxb Lao động Xã hội, 2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2010.
2. Nguyễn Thị Bích Hà, *So sánh cấu tạo thuật ngữ kinh tế thương mại trong tiếng Nhật và tiếng Việt hiện đại*, luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, 2000.
3. Nguyễn Thị Thu Hà, *Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ dầu khí tiếng Anh*, Ngôn ngữ & Đời sống, số 4, tr. 51-55, 2018.
4. Hoàng Văn Hành, *Về sự hình thành và phát triển thuật ngữ tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 4, 1983.
5. Vũ Quang Hào, *Hệ thuật ngữ quân sự tiếng Việt, đặc điểm và cấu tạo thuật ngữ quân sự*, Luận án Phó tiến sĩ ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1991.
6. Nguyễn Văn Lợi, *Những vấn đề lý luận trong thuật ngữ học ở Liên Bang Nga*, Từ điển học & Bách khoa thư, (6), tr. 21 - 31, 2010.
7. Hà Quang Năng (chủ biên), *Thuật ngữ học: Những vấn đề lý luận và Thực tiễn*, Nxb Từ điển Bách khoa, 2012.
8. Nguyễn Thị Kim Thanh, *Khảo sát hệ thuật ngữ tin học-viên thông tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội 2005.
9. Nguyễn Đức Tồn (chủ biên), *Thuật ngữ học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, 2016.
10. Гринев - Гриневич С. В., *Введение в терминологию*, Изд. 3-е. М.: Книжный дом «Либроком», 224с, 2009.
11. Лейчик В. М., *Терминоведение (Предмет, методы, структура)*, Изд. 4-е. М.: Книжный дом «Либроком», 256 с, 2009.
12. Лотте, Д. С., *Некоторые принципиальные во-просы отбора и построения научно-технических терминов*, М.; Л., 67 с, 1999.